

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20-4-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm.

2. Bà Bùi Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Đoan Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 494/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1987; (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 01, phường MB, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện AN, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn B, sinh năm 1984; (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 01, phường MB, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ: Khu phố 05, phường MB, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn Khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Bà và ông Võ Văn B tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/6/2008 tại Ủy ban nhân dân phường MB, thành phố P, tỉnh

Ninh Thuận. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng từ năm 2010, bà và ông B thường xuyên xảy ra cãi vã do ông B cờ bạc, rượu chè, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mỗi khi mâu thuẫn bà thường đưa con về nhà mẹ ruột tại Bình Định tá túc. Bà đã nhiều lần bỏ qua để gia đình êm thấm nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục. Không thể chịu được nữa nên từ tháng 6/2021, bà cùng hai con đã bỏ về nhà mẹ ruột tại Bình Định sống cho đến nay. Quá trình sống ly thân, bà và ông B không quan tâm, hỏi han đến nhau. Bà không thể quay trở về chung sống với ông B nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Bà và ông B có 02 con chung là Võ Hoàng N, sinh ngày 21/10/2008; Võ Hoàng Ái N, sinh ngày 16/11/2016. Hai con chung đang sống cùng bà tại Bình Định. Khi ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu ông B cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng/2 con nhưng quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Bà đang ở với mẹ ruột tại thôn V, xã N, huyện AN, tỉnh Bình Định và đang làm buôn bán tại chợ thu nhập khoảng 300.000 đồng/ngày nên đủ điều kiện để lo cho con. Ngoài ra, gia đình bà cũng hỗ trợ kinh tế để giúp đỡ bà nuôi hai con. Về tài sản chung, nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Văn B trình bày:

Ông và bà H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MB, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15, Quyền số 01/2008 ngày 02/6/2008.

Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra cãi vã, bà H có bỏ về nhà cha mẹ tại Bình Định nhiều lần, lần cuối cùng vào tháng 06/2021 nhưng theo ông mâu thuẫn không đến mức ly hôn và khi nào bà H hết giận sẽ quay về như các lần trước. Ông không đồng ý ly hôn vì thương các con còn nhỏ. Nếu bà H kiên quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý. Tuy nhiên, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Võ Hoàng Ái N, sinh ngày 16/11/2016, giao cháu Võ Hoàng N, sinh ngày 21/10/2008 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng cho con chung. Ông không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Hiện nay, ông đang làm thợ sơn, thu nhập khoảng 400.000 đồng/ngày.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng bà H không đồng ý quay trở về chung sống và có ý kiến nếu Tòa án không cho ly hôn thì bà H cũng không về tiếp tục chung sống với ông B.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Bích H. Cho Bà Nguyễn Thị Bích H ly hôn với ông Võ Văn B. Cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Ông B không phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Bích H yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn B. Ông B cư trú tại phường MB, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[2] Về Quan hệ hôn nhân:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích H và ông Võ Văn B là hoàn toàn tự nguyện, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy Chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Quá trình chung sống, bà H cho rằng từ năm 2010, bà và ông B thường xuyên xảy ra cãi vã do ông B cờ bạc, rượu chè, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Bà đã nhiều lần bỏ qua để gia đình êm thấm nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục. Từ tháng 06/2021, bà đã bỏ về nhà mẹ ruột tại Bình Định sống cho đến nay. Quá trình sống ly thân, bà và ông B không quan tâm, hỏi han nhau. Ông B cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, từ tháng 06/2021 bà H đã đưa hai con về nhà mẹ tại Bình Định sống. Ông không đồng ý ly hôn vì thương các con còn nhỏ nhưng nếu bà H kiên quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý.

[2.3] Theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....”. Tuy nhiên, quá trình chung sống, bà H, ông B lại nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không còn chung sống hơn 01 năm nay. Tình trạng mâu thuẫn về hôn nhân giữa ông B, bà H đã được Chính quyền địa phương xác nhận.

[2.4] Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà H, ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn

nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho bà H ly hôn với ông B.

[3] Về nuôi con chung:

[3.1] Bà H và ông B có 02 con chung là Võ Hoàng N, sinh ngày 21/10/2008; Võ Hoàng Ái N, sinh ngày 16/11/2016. Hai con chung đang sống cùng bà H tại Bình Định.

[3.2] Bà H hiện đang ở với mẹ ruột, buôn bán tại chợ, thu nhập khoảng 300.000 đồng/ngày. Còn ông B có nhà tại phường MB, đang làm thợ sơn, thu nhập khoảng 400.000 đồng/ngày.

[3.3] Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Ông B chỉ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Hoàng Ái N, sinh ngày 16/11/2016, giao cháu Võ Hoàng N, sinh ngày 21/10/2008 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy: Bà H, ông B đều đi làm thuê, có chỗ ở thu nhập tương đối ổn định. Tuy nhiên, cháu Võ Hoàng N và Võ Hoàng Ái N là con gái, đều đang đi học tại Bình Định. Cháu Nhi mới hơn 5 tuổi, cháu Như có nguyện vọng sống cùng mẹ. Xét thấy: giao cháu Võ Hoàng N, Võ Hoàng Ái N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự ổn định, chăm sóc và sự phát triển hơn về mọi mặt của hai con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, giao hai cháu Võ Hoàng Ái N và Võ Hoàng N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.4] Bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích H với bị đơn là ông Võ Văn B.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích H được ly hôn với ông Võ Văn B.

1.2 Về nuôi con chung:

Giao hai con chung là Võ Hoàng N, sinh ngày 21/10/2008; Võ Hoàng Ái N, sinh ngày 16/11/2016 cho Bà Nguyễn Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Võ Văn B không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí Toà án số 0003730 ngày 07-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Nguyễn Thị Bích H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang- Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang- Tháp Chàm;
- UBND phường MB;
- (GCN số 15. Quyền số 01.2008
ngày 02/6/2008)
- Lưu (HS, AV)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Trần Thanh Thư